ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TRUNG BỘ
**ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: TVHN-279/DLAK

*Đắk Lắk, ngày 6 tháng 10 năm 2025*

# BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH ĐẮK LẮK

## 1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

+ Lưu vực sông Srê Pốk: Sông Krông Ana mực nước dao động theo xu thế tăng, các sông khác dao động theo điều tiết của thủy điện và hồ thủy lợi.

+ Lưu vực sông Ba: Mực nước hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của thủy điện, vùng cửa sông giáp biển dao động theo chế độ triều.

+ Các sông khác mực nước dao động theo xu thế giảm.

## 2. Dự báo, cảnh báo

+ Lưu vực sông Srê Pốk: Sông Krông Ana dao động theo xu thế giảm, các sông khác dao động theo điều tiết của thủy điện và hồ thủy lợi.

+ Lưu vực sông Ba: Mực nước hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của thủy điện, vùng cửa sông giáp biển dao động theo chế độ triều.

+ Các sông khác mực nước dao động theo xu thế giảm.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mưa dông về chiều và đêm có nguy cơ xảy ra lũ quét trên các suối nhỏ và sạt lở đất ở những nơi có nền đất yếu, ven các sông, suối.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất có thể gây ra những thiệt hại về cơ sở hạ tầng, đường giao thông, cầu cống, nhà cửa.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30'/7/10/2025.**
**Tin phát lúc 11h30'/6/10/2025.**

***Nơi nhận:***
- Phòng QLDB;
- VP UBND tỉnh Đắk Lắk;
- VP BCH PCTT&TKCN tỉnh Đắk Lắk;
- Đài PTTH tỉnh;
- Phòng dự báo Đài KTTV Trung Bộ;
- Trung tâm TT&DLKTTV;
- Phòng Dự báo thuỷ văn (TTDBKTTVQG);
- Lưu đơn vị.

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Công Danh**

# PHỤ LỤC

## Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo tại các trạm

*Bảng 1.1: Mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm không ảnh hưởng triều*

| Sông | Trạm | Yếu tố | Thực đo | Dự báo | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 07h/6/10 | 13h/6/10 | 19h/6/10 | 01h/7/10 | 07h/7/10 |
| Krông Búk | Krông Búk | H (cm) | 45209 | 45209 | 45209 | 45208 | 45208 |
| | | Q ($m^3/s$) | 9.00 | 9.00 | 9.00 | 8.77 | 8.77 |
| Krông Ana | Giang Sơn | H (cm) | 41818 | 41818 | 41816 | 41814 | 41811 |
| | | Q ($m^3/s$) | 148 | 148 | 147 | 146 | 145 |
| Srê Pốk | Bản Đôn | H (cm) | 17058 | 17040 | 17060 | 17050 | 17030 |
| | | Q ($m^3/s$) | 516 | 481 | 520 | 500 | 461 |
| Ba | Củng Sơn | H (cm) | 2675 | 2665 | 2660 | 2655 | 2650 |
| | | Q ($m^3/s$) | 302 | 272 | 272 | 243 | 243 |
| Kỳ Lộ | Xuân Quang | H (cm) | 2261 | 2251 | 2245 | 2240 | 2235 |
| | Hà Bằng | H (cm) | 337 | 334 | 330 | 325 | 323 |
| | Đa Lộc | H (cm) | 2453 | 2452 | 2451 | 2450 | 2450 |
| Tam Giang | Xuân Lâm | H (cm) | 161 | 160 | 159 | 159 | 158 |
| Bàn Thạch | Mỹ Hòa Tây | H (cm) | 620 | 622 | 625 | 623 | 621 |

*Bảng 1.2: Mực nước thực đo và dự báo trạm ảnh hưởng triều*

| Sông | Trạm | Yếu tố | Thực đo (Từ 7h/5/10 - 7h/6/10) | | Dự báo (Từ 7h/6/10-7h/7/10) | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Hmax | Hmin | Hmax | Hmin |
| **Ba** | Phú Lâm | H (cm) | 40 | -25 | 35 | -20 |

## Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo tại các trạm

*a. Trạm Krông Búk*

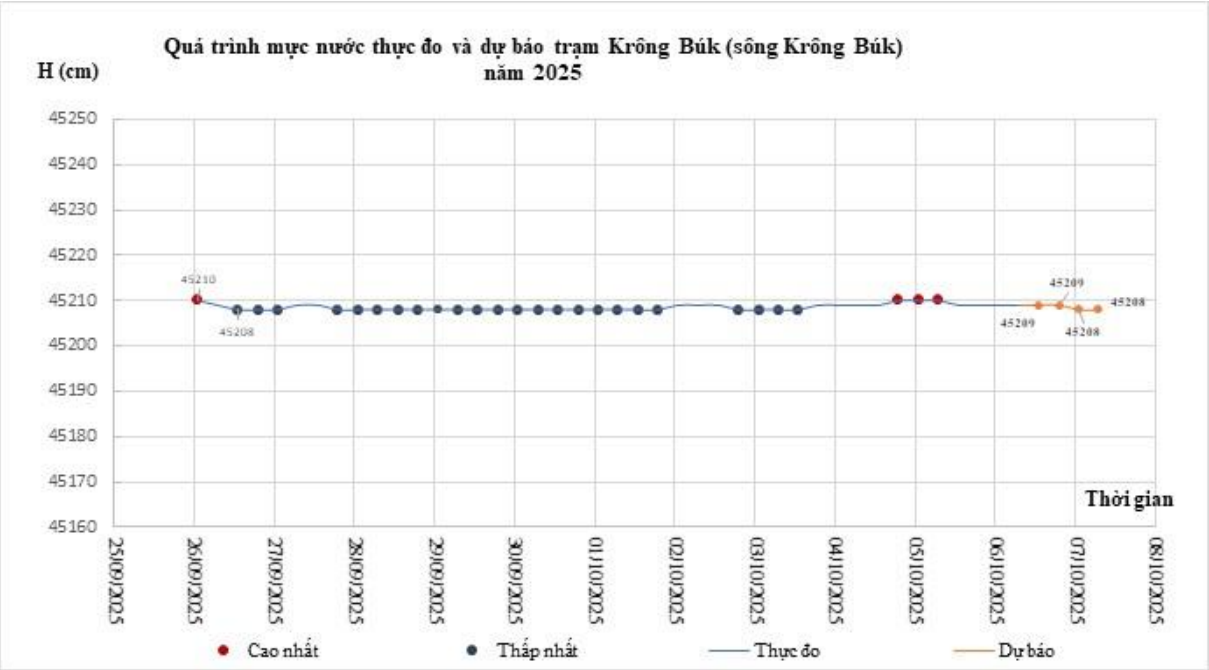


*b. Trạm Giang Sơn*

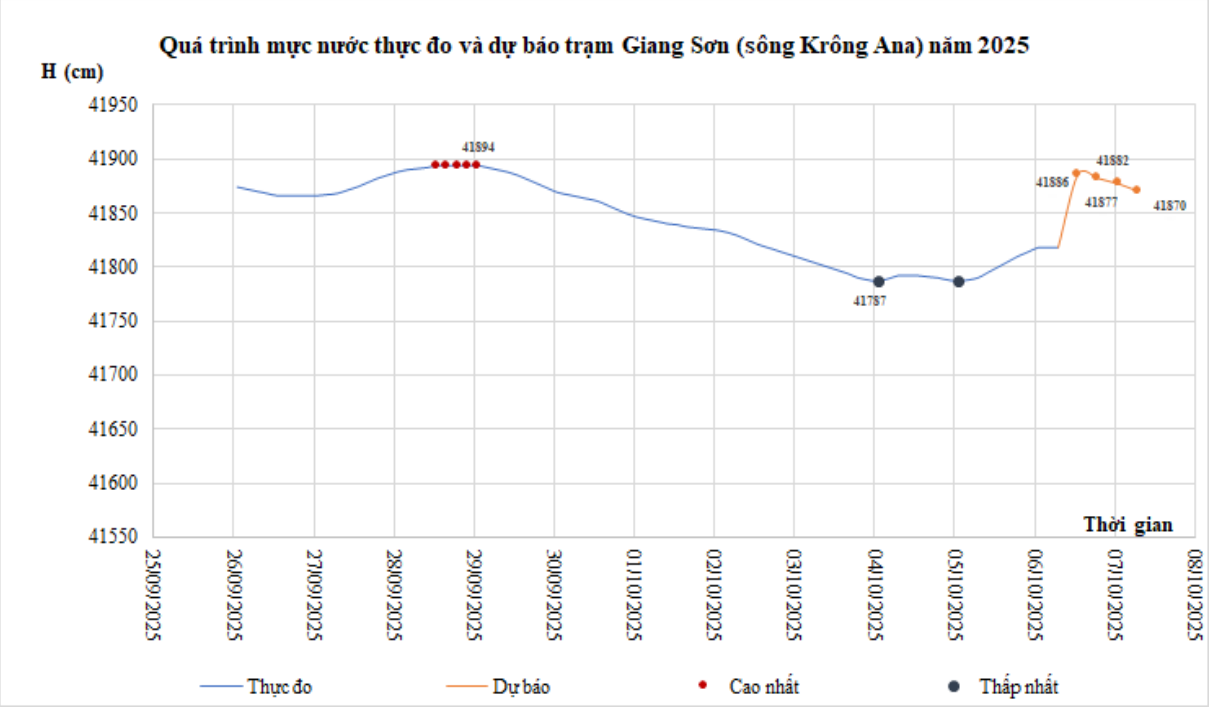


*c. Trạm Bản Đôn*

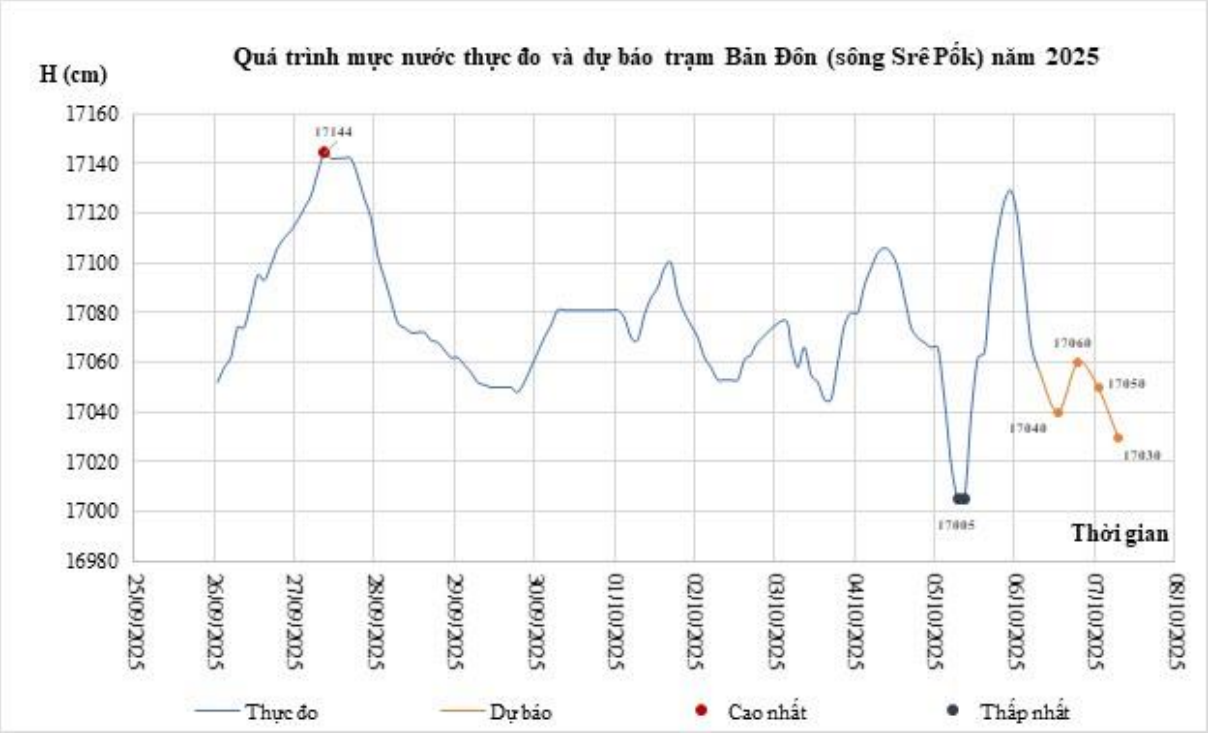


*d. Trạm Củng Sơn*

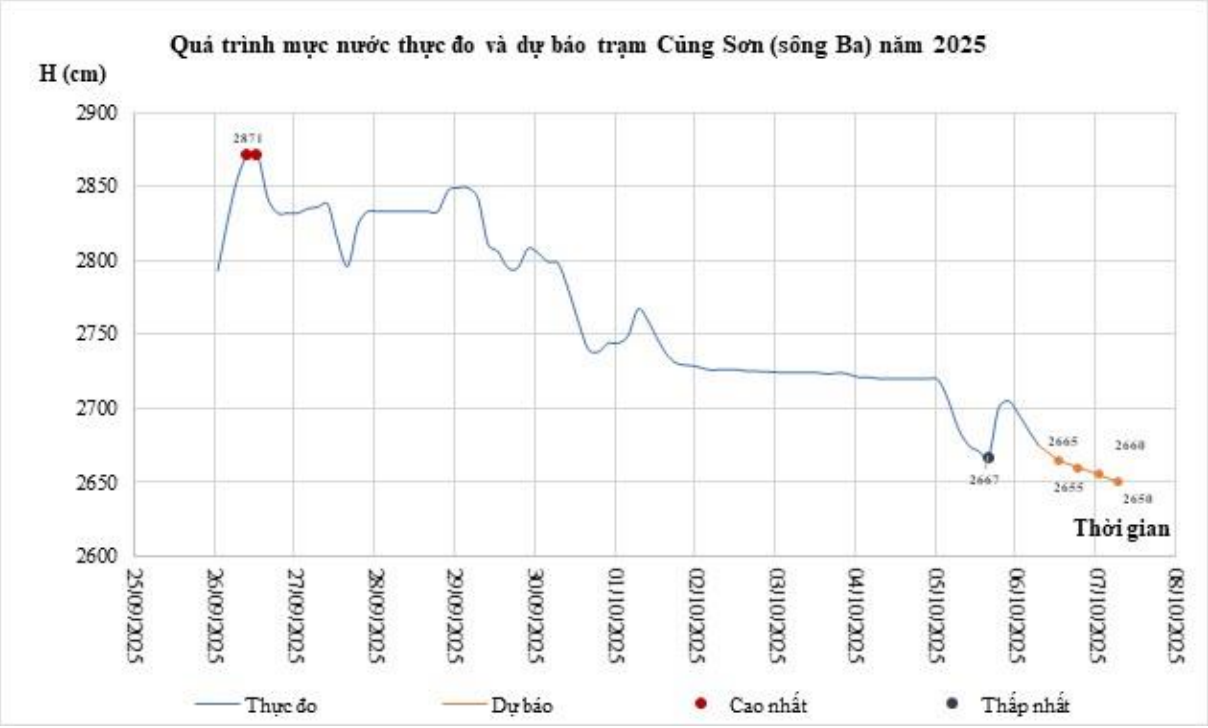


*e. Trạm Xuân Quang*

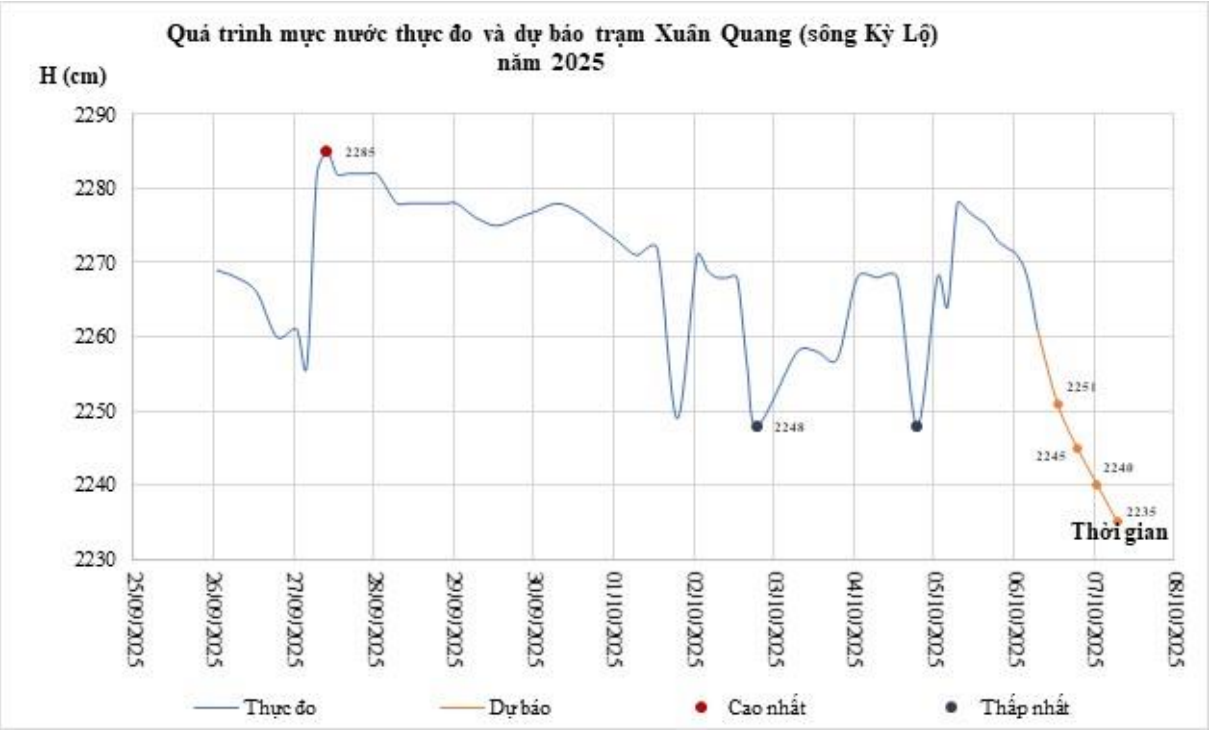


*f. Trạm Hà Bằng*

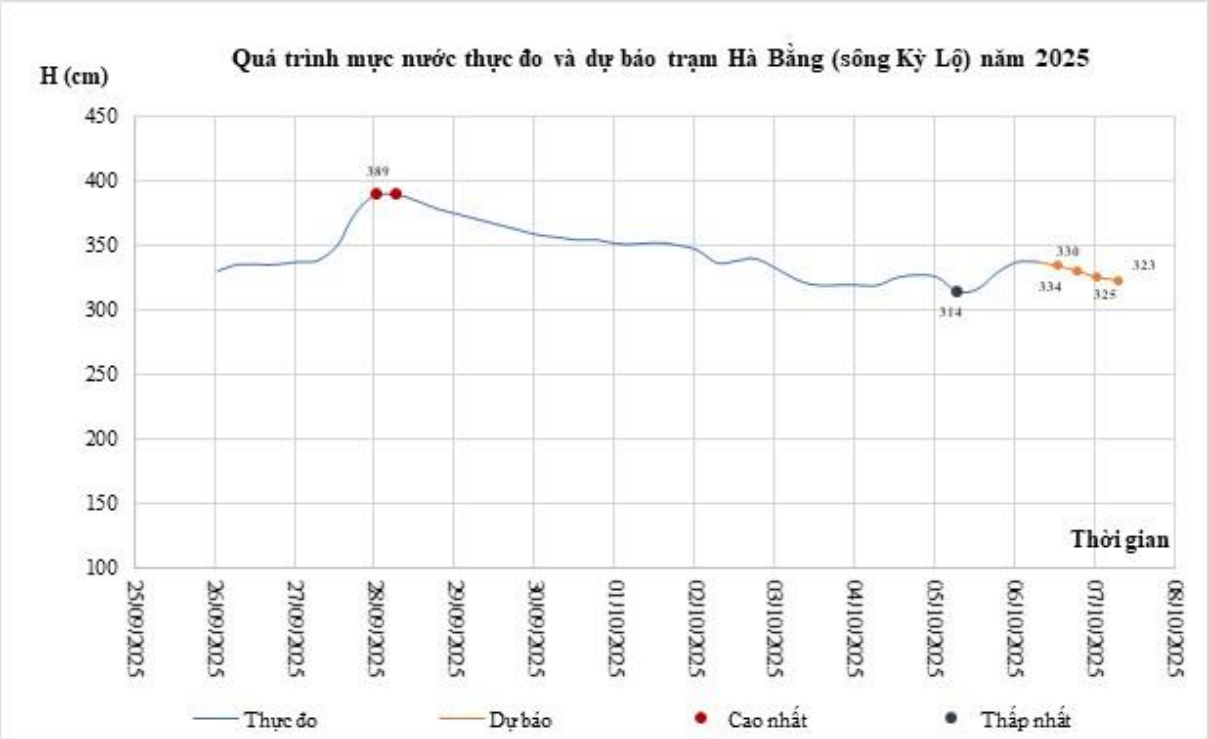


*g. Trạm Đa Lộc*

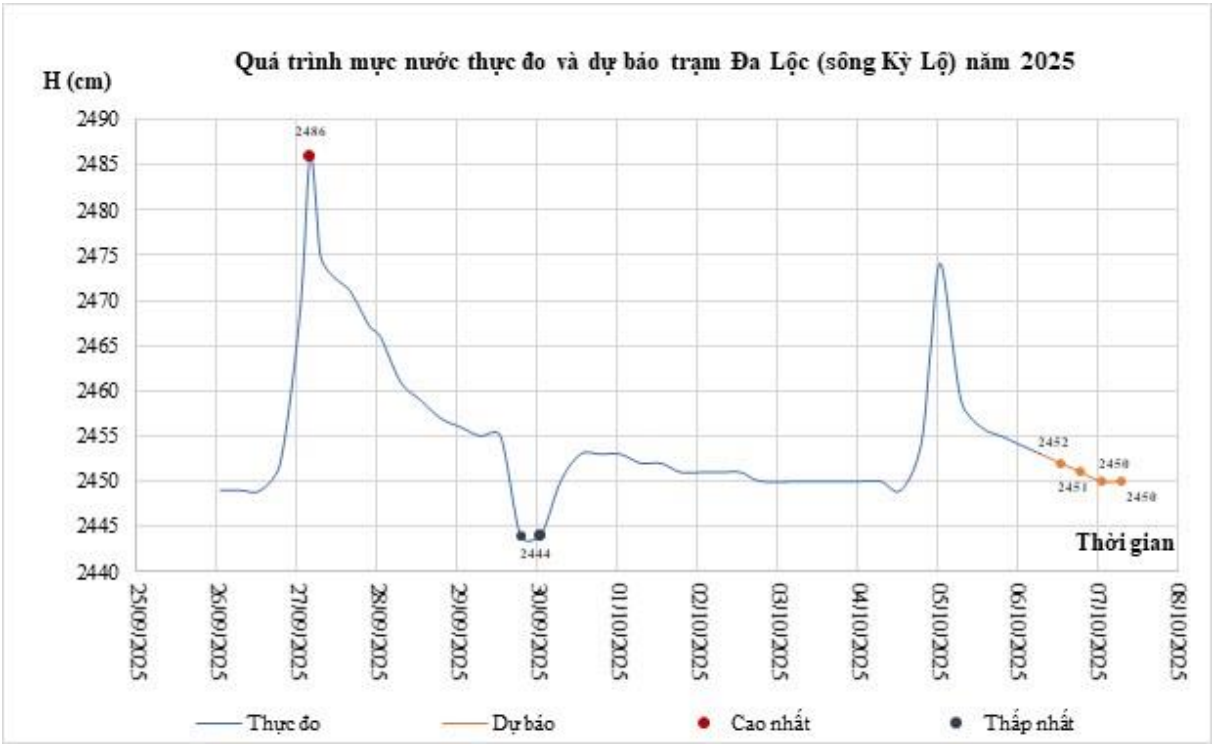


*h. Trạm Xuân Lâm*

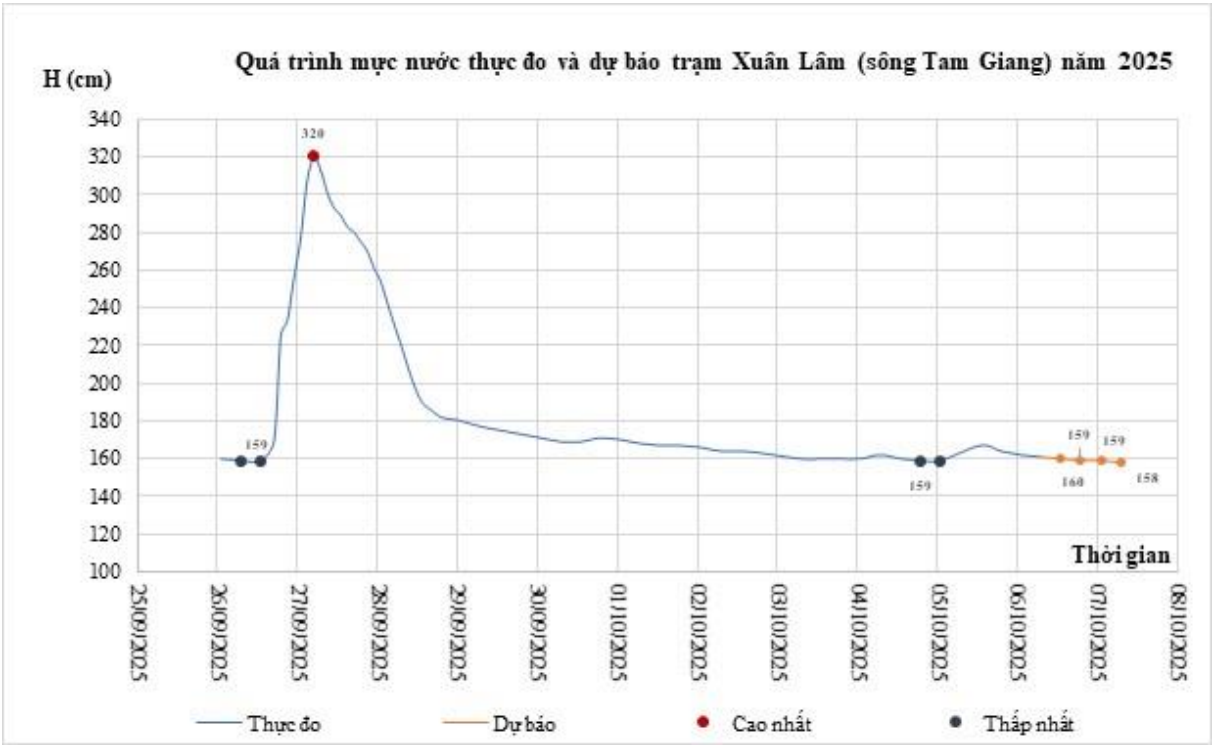


*i. Trạm Hoà Mỹ Tây*

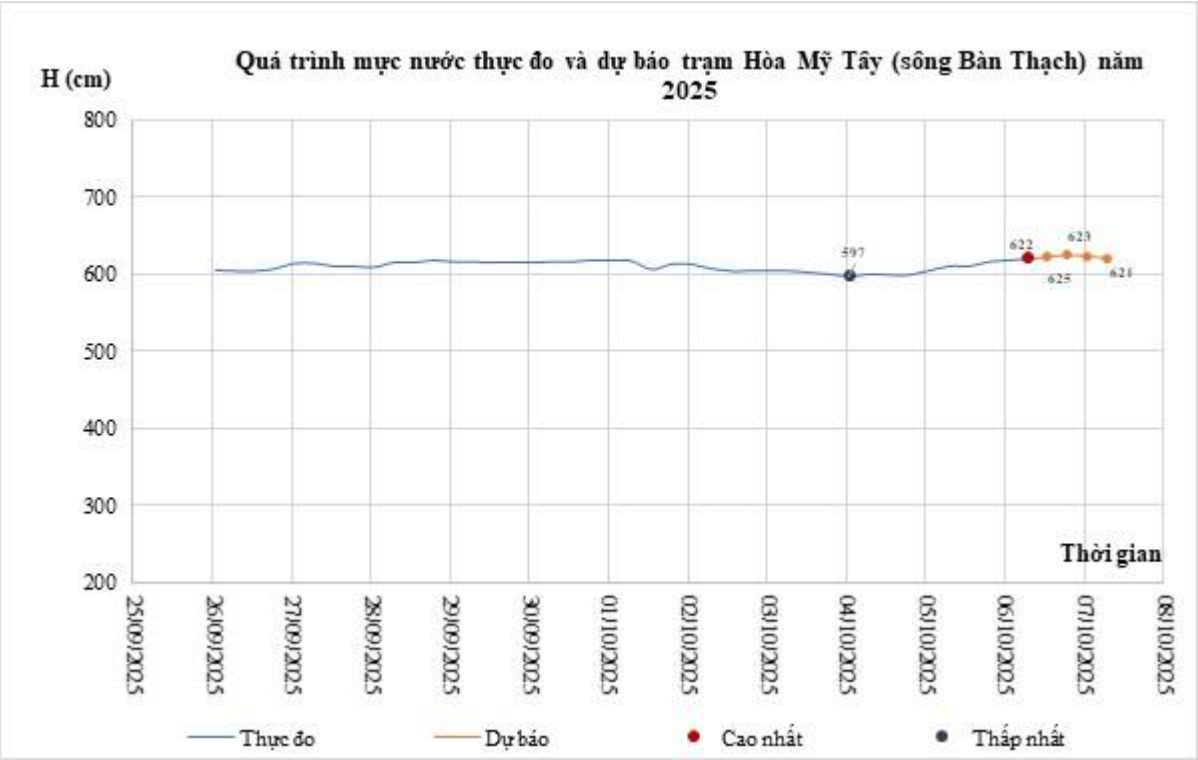
Quá trình mực nước thực đo và dự báo trạm Hòa Mỹ Tây (sông Bàn Thạch) năm 2025
H (cm)
800
700
600
500
400
300
200
Thời gian
25/09/2025
26/09/2025
27/09/2025
28/09/2025
29/09/2025
30/09/2025
01/10/2025
02/10/2025
03/10/2025
04/10/2025
05/10/2025
06/10/2025
07/10/2025
08/10/2025
597
622
623
625
624
Thực đo
Dự báo
Cao nhất
Thấp nhất